

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
QUẬN HÀ ĐÔNG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: **85** /QĐ-UBND

Hà Đông, ngày **16** tháng **01** năm 2023

**QUYẾT ĐỊNH**

**Phê duyệt dự toán kinh phí bồi thường, hỗ trợ di chuyển mộ (đợt 2)  
nằm trong quy hoạch thực hiện dự án đầu tư xây dựng đường  
Vành đai 4 - Vùng Thủ đô Hà Nội thuộc địa bàn phường  
Yên Nghĩa và phường Phú Lãm, quận Hà Đông.**

**ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN HÀ ĐÔNG**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015 và Luật số 47/2019/QH14 ngày 22/11/2019 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương;*

*Căn cứ Luật Đất đai năm 2013;*

*Căn cứ Nghị quyết số 56/2022/QH15 ngày 16/6/2022 của Quốc hội quyết nghị Chủ trương đầu tư Dự án đầu tư xây dựng đường Vành đai 4 - Vùng Thủ đô Hà Nội;*

*Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều Luật Đất đai 2013;*

*Căn cứ Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;*

*Căn cứ Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;*

*Căn cứ Quyết định số 10/2017/QĐ-UBND ngày 29/3/2017 của UBND Thành phố Hà Nội ban hành quy định các nội dung thuộc thẩm quyền của UBND thành phố Hà Nội về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn thành phố Hà Nội;*

*Căn cứ Quyết định số 11/2017/QĐ-UBND ngày 31/3/2017 của UBND Thành phố Hà Nội về việc ban hành quy định một số nội dung về thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất để thực hiện dự án đầu tư trên địa bàn thành phố Hà Nội;*

*Căn cứ Quyết định số 18/2019/QĐ-UBND ngày 14/10/2019 của UBND thành phố Hà Nội về việc ban hành giá xây dựng mới nhà ở, nhà tạm vật kiến trúc làm cơ sở xác định giá trị bồi thường, hỗ trợ khi nhà nước thu hồi đất trên địa bàn thành phố Hà Nội;*

*Căn cứ Quyết định số 2437/QĐ-UBND ngày 12/7/2022 của UBND Thành phố Hà Nội về việc phê duyệt Chi giới đường đỏ tuyến đường Vành đai 4, đoạn từ Quốc lộ 6 đến Quốc lộ 1A, tỷ lệ 1/500 (Địa điểm: tại quận Hà Đông, huyện Thanh Oai, huyện Thường Tín, Hà Nội);*



Căn cứ Quyết định số 2447/QĐ-UBND ngày 13/7/2022 của UBND Thành phố Hà Nội về việc giao nhiệm vụ triển khai Dự án đầu tư xây dựng đường Vành đai 4 - Vùng Thủ đô Hà Nội;

Căn cứ Quyết định số 2747/QĐ-UBND ngày 05/8/2022 của UBND Thành phố Hà Nội về việc giao nhiệm vụ thực hiện bồi thường, giải phóng mặt bằng phục vụ triển khai Dự án đầu tư xây dựng đường Vành đai 4 - Vùng Thủ đô Hà Nội;

Căn cứ Quyết định số 3956/QĐ-UBND ngày 20/10/2022 của UBND Thành phố Hà Nội về việc ban hành bổ sung một số cơ chế, chính sách phục vụ bồi thường, hỗ trợ, tái định cư thực hiện dự án Đầu tư xây dựng đường Vành đai 4 - Vùng Thủ đô (đoạn trên địa bàn thành phố Hà Nội);

Thực hiện kế hoạch số 303/KH-UBND ngày 14/10/2022 của UBND quận Hà Đông về việc tiếp tục thực hiện công tác di chuyển mộ nằm trong phạm vi thu hồi đất thực hiện các dự án trên địa bàn quận Hà Đông giai đoạn 2022-2023;

Theo đề nghị của Trung tâm phát triển quỹ đất quận Hà Đông tại Tờ trình số 13/TTr-PTQĐ ngày 15 tháng 01 năm 2023 về việc đề nghị phê duyệt dự toán kinh phí bồi thường, hỗ trợ di chuyển mộ (đợt 2) nằm trong quy hoạch thực hiện dự án đầu tư xây dựng đường Vành đai 4 - Vùng Thủ đô Hà Nội thuộc địa bàn phường Yên Nghĩa và phường Phú Lãm, quận Hà Đông.

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê duyệt dự toán kinh phí bồi thường, hỗ trợ di chuyển mộ (đợt 2) nằm trong quy hoạch thực hiện dự án đầu tư xây dựng đường Vành đai 4 - Vùng Thủ đô Hà Nội thuộc địa bàn phường Yên Nghĩa và phường Phú Lãm, quận Hà Đông theo số lượng mộ do Tổ công tác phường Yên Nghĩa, Phú Lãm nghiệm thu thực tế, cụ thể như sau:

#### **1. Số lượng mộ di chuyển như sau:**

##### **a. Địa bàn phường Yên Nghĩa:**

- Mộ xây 22 ngôi.
- Mộ đất 05 ngôi.
- Tiểu phát sinh dưới lòng đất 05 tiểu (tính tương đương mộ đất).

##### **b. Địa bàn phường Phú Lãm:**

- Mộ xây 05 ngôi.
- Tiểu phát sinh dưới lòng đất 03 tiểu (tính tương đương mộ đất).

Để có cơ sở thanh quyết toán cho người đại diện di chuyển mộ chí của người thân nằm trong quy hoạch dự án và thanh quyết toán dự án theo quy định. UBND quận phê duyệt dự toán kinh phí bồi thường, hỗ trợ di chuyển mộ theo kết quả nghiệm thu thực tế của tổ công tác di chuyển mộ thuộc địa bàn phường Yên Nghĩa và phường Phú Lãm.

#### **2. Phương án bồi thường, hỗ trợ di chuyển mộ:**

\* **Chính sách BTHT:** Thực hiện theo quy định tại Điều 17, Quyết định số 10/2017/QĐ-UBND ngày 29/3/2017 của UBND thành phố Hà Nội.

\* **Phương án cụ thể:**

- Đối với những ngôi mộ có kích thước trong khoảng nhỏ hơn kích thước (hoặc khối tích) quy định tại tiết c, điểm 2 mục X Quyết định số 18/2019/QĐ-UBND ngày 14/10/2019 của UBND thành phố Hà Nội, được vận dụng đơn giá di chuyển mộ quy định tại tiết c, điểm 2 mục X.

- Đối với những ngôi mộ có kích thước trong khoảng nhỏ hơn kích thước (hoặc khối tích) quy định tại tiết a, b, điểm 2 mục X nhưng lớn hơn kích thước (hoặc khối tích) tại tiết c, điểm 2 mục X Quyết định số 18/2019/QĐ-UBND ngày 14/10/2019 của UBND thành phố Hà Nội, được vận dụng đơn giá di chuyển mộ quy định tại tiết a, b, điểm 2 mục X (tùy thuộc từng vật liệu hoàn thiện mộ).

Cụ thể các ngôi mộ đã di chuyển và được tổ công tác di chuyển mộ phường Yên Nghĩa và phường Phú Lãm nghiệm thu thực tế như sau:

**\* Phường Yên Nghĩa:**

- Mộ xây 22 ngôi, gồm:

+ 03 ngôi mộ xây bằng gạch, ốp đá, khối tích lớn (vận dụng tương đương mộ xây gạch, ốp đá xẻ); kích thước mộ (dài 2,4 x rộng 1,24 x cao 0,8 m).

+ 11 ngôi mộ xây bằng gạch, trát vữa xi măng kích thước, khối tích lớn (vận dụng tương đương mộ xây gạch, trát vữa xi măng, quét nước xi măng); kích thước mộ (dài 2,4 x rộng 1,24 x cao 0,8 m).

+ 08 ngôi mộ xây gạch, trát xi măng (vận dụng tương đương mộ xây bằng gạch, ốp đá xẻ hoặc trát vữa xi măng, quét nước xi măng); kích thước mộ (dài 1,44 x rộng 0,96 x cao 1,6m).

- 05 ngôi mộ đất.

- 05 tiểu phát sinh dưới lòng đất (tính tương đương mộ đất).

**\* Phường Phú Lãm:**

- Mộ xây 05 ngôi, gồm:

+ 04 ngôi mộ xây bằng gạch, trát vữa xi măng kích thước, khối tích lớn (vận dụng tương đương mộ xây gạch, trát vữa xi măng, quét nước xi măng); kích thước mộ (dài 2,4 x rộng 1,24 x cao 0,8 m).

+ 01 ngôi mộ xây gạch, trát xi măng (vận dụng tương đương mộ xây bằng gạch, ốp đá xẻ hoặc trát vữa xi măng, quét nước xi măng); kích thước mộ (dài 1,44 x rộng 0,96 x cao 1,6m).

- 03 tiểu phát sinh dưới lòng đất (tính tương đương mộ đất).

\* Về số lượng mộ di chuyển: Theo số mộ thực tế đã di chuyển do UBND phường Yên Nghĩa và UBND phường Phú Lãm cấp hồ sơ. UBND phường Yên Nghĩa và UBND phường Phú Lãm chịu trách nhiệm toàn diện về tính pháp lý của các hồ sơ, quy trình thực hiện các bước di chuyển mộ.

\* Về đơn giá bồi thường, hỗ trợ di chuyển mộ: Thực hiện theo đơn giá quy định tại Quyết định số 18/2019/QĐ-UBND ngày 14/10/2019 của UBND thành phố Hà Nội.

\* Các hộ gia đình di chuyển mộ: Ngoài việc được bồi thường theo đơn giá quy định tại Quyết định số 18/2019/QĐ-UBND ngày 14/10/2019 của UBND

thành phố Hà Nội, các hộ còn được hỗ trợ khác là 2.000.000 đồng/ngôi mộ theo quy định tại Quyết định số 3956/QĐ-UBND ngày 20/10/2022 của UBND Thành phố Hà Nội.

### 3. Kinh phí bồi thường di chuyển mộ:

STT	Danh mục bồi thường, hỗ trợ	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Tỷ lệ %	Thành tiền
<b>1</b>	<b>Kinh phí di chuyển mộ:</b>					<b>407.118.000</b>
<i>a</i>	<i>Địa bàn phường Yên Nghĩa</i>					<b>328.264.000</b>
-	Mộ xây gạch, ốp đá hoặc trát xi măng (Vận dụng tương đương mộ xây gạch, ốp đá xẻ; kích thước mộ (dài 2,4 x rộng 1,24 x cao 0,8 m)	Ngôi	3,0	14.192.000	100	42.576.000
-	Xây gạch, trát vữa xi măng (vận dụng tương đương mộ xây gạch, trát vữa xi măng, quét nước xi măng, kích thước dài 2,4 x rộng 1,24 x cao 0,8 m).	Ngôi	11,0	11.698.000	100	128.678.000
-	Mộ xây gạch, trát xi măng (Vận dụng tương đương mộ xây bằng gạch, ốp đá xẻ hoặc trát vữa xi măng, quét nước xi măng; kích thước mộ (dài 1,44 x rộng 0,96 x cao 1,6m)	Ngôi	8,0	6.315.000	100	50.520.000
-	Mộ đất	Ngôi	5,0	5.249.000	100	26.245.000
-	Tiểu phát sinh dưới lòng đất (tính tương đương mộ đất)	Ngôi	5,0	5.249.000	100	26.245.000
-	Hỗ trợ khác theo Quyết định số 3956/QĐ-UBND ngày 20/10/2022 của UBND thành phố	Ngôi	27,0	2.000.000	100	54.000.000
<i>a</i>	<i>Địa bàn phường Phú Lãm:</i>					<b>78.854.000</b>
-	Xây gạch, trát vữa xi măng (vận dụng tương đương mộ xây gạch, trát vữa xi măng, quét nước xi măng, kích thước dài 2,4 x rộng 1,24 x cao 0,8 m).	Ngôi	4,0	11.698.000	100	46.792.000
-	Mộ xây gạch, trát xi măng (Vận dụng tương đương mộ xây bằng gạch, ốp đá xẻ hoặc trát vữa xi măng, quét nước xi măng; kích thước mộ (dài 1,44 x rộng 0,96 x cao 1,6m)	Ngôi	1,0	6.315.000	100	6.315.000
-	Tiểu phát sinh dưới lòng đất (tính tương đương mộ đất)	Ngôi	3,0	5.249.000	100	15.747.000
-	Hỗ trợ khác theo Quyết định số 3956/QĐ-UBND ngày 20/10/2022 của UBND thành phố	Ngôi	5,0	2.000.000	100	10.000.000
<b>2</b>	<b>Chi phí phục vụ công tác GPMB</b>			<b>2%</b>		<b>8.142.360</b>
-	Trung tâm PTQĐ quận Hà Đông			60%		4.885.416
-	Cơ quan thường trực Hội đồng BTHT&TĐC quận (bao gồm cả Hội đồng BTHT&TĐC)			40%		3.256.944

	<b>Cộng (1+2)</b>				<b>415.260.360</b>
	<b>Làm tròn số</b>				<b>415.260.000</b>

(Có biểu tổng hợp chi tiết kèm theo)

**Bằng chữ:** Bốn trăm mười lăm triệu hai trăm sáu mươi nghìn đồng./.

Trung tâm phát triển quỹ đất quận Hà Đông chịu trách nhiệm về tính chính xác về số liệu của phương án bồi thường, hỗ trợ.

**Điều 2.** Nguồn kinh phí: Trung tâm phát triển quỹ đất quận Hà Đông có trách nhiệm cấp theo quy định.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. Thủ trưởng các ngành: Văn phòng HĐND&UBND quận, Tài chính Kế hoạch, Tài nguyên & Môi trường, Quản lý Đô thị, Kinh tế, Trung tâm phát triển quỹ đất quận Hà Đông, Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng, UBND phường Yên Nghĩa, UBND phường Phú Lãm, Chủ đầu tư dự án, các cơ quan, đơn vị, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;

- Lưu: VT.

9

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**



**Cán Thị Việt Hà**

**BIỂU TỔNG HỢP (ĐỢT 2)**

**Kinh phí di chuyển mộ nằm trong quy hoạch thực hiện dự án đầu tư xây dựng đường  
Vành đai 4 - Vùng Thủ đô Hà Nội, địa bàn phường Yên Nghĩa, phường Phú Lãm, quận Hà Đông**

*(Kèm theo Quyết định số: 85/QĐ-UBND ngày 16 tháng 01 năm 2023 của UBND quận Hà Đông)*

STT	Họ tên chủ hộ	Địa chỉ	Mộ đất	Mộ Xây				Tiểu phát sinh		Cây hương		Tiền hỗ trợ theo QĐ 3956/2022/QĐ-UBND (đồng)	Hộ trợ đối với trường hợp gia đình tự lo đất di chuyển mộ	Thành tiền (đồng)	Tổng chi phí hỗ trợ từng hộ	Khối tích		
			Đơn giá (đồng)	Vật liệu hoàn thiện	Kích thước: dài x rộng x cao (m)	Đơn giá (đồng)	Số lượng	Đơn giá (đồng)	Số lượng	Đơn giá (đồng)								
<b>1</b>	<b>Địa bàn phường Yên Nghĩa</b>		<b>5 mộ đất</b>	<b>22 mộ xây</b>		<b>221.774.000</b>	<b>5</b>	<b>26.245.000</b>				<b>54.000.000</b>		<b>328.264.000</b>	<b>328.264.000</b>			
1	Nguyễn Văn Bang	TDP 8	Xây gạch, trát xi măng (Vận dụng tương đương mộ xây gạch, trát vữa xi măng, quét nước xi măng; kích thước mộ (dài 2,4 x rộng 1,24 x cao 0,8 m)	2x1,4x1,5	11.698.000							2.000.000		13.698.000	<b>13.698.000</b>	4,2		
2	Nguyễn Duy Hùng	TDP 4	Xây gạch, trát xi măng (Vận dụng tương đương mộ xây gạch, trát vữa xi măng, quét nước xi măng; kích thước mộ (dài 2,4 x rộng 1,24 x cao 0,8 m)	ĐK 3,5x1,5	11.698.000							2.000.000		13.698.000	<b>27.396.000</b>	14,4244		
				ĐK 3,5x1,5	11.698.000									2.000.000			13.698.000	14,4244
3	Lê Đức Khôi	TDP 3	Xây gạch, ốp đá (Vận dụng tương đương mộ xây gạch, ốp đá xẻ; kích thước mộ (dài 2,4 x rộng 1,24 x cao 0,8 m)	2,1x1,5x1,8	14.192.000							2.000.000		16.192.000	<b>16.192.000</b>	5,67		
4	Nguyễn Đình Kỳ	TDP 8	Xây gạch, trát xi măng (Vận dụng tương đương mộ xây gạch, trát vữa xi măng, quét nước xi măng; kích thước mộ (dài 2,4 x rộng 1,24 x cao 0,8 m)	1,8x1,2x1,4	11.698.000		2	10.498.000				2.000.000		24.196.000	<b>37.894.000</b>	3,024		
				1,8x1,2x1,3	11.698.000									2.000.000			13.698.000	2,808
5	Nguyễn Văn Kim	TDP 3	Xây gạch, trát xi măng (Vận dụng tương đương mộ xây gạch, trát vữa xi măng, quét nước xi măng; kích thước mộ (dài 2,4 x rộng 1,24 x cao 0,8 m)	5.249.000	Mộ đất		1	5.249.000				2.000.000		12.498.000	<b>97.180.000</b>			
						2,5x2x0,5	11.698.000							2.000.000			13.698.000	2,5
						ĐK 2x0,8	11.698.000							2.000.000			13.698.000	2,512
						ĐK 2x0,8	11.698.000							2.000.000			13.698.000	2,512
						ĐK 2x0,8	11.698.000							2.000.000			13.698.000	2,512
						2,3x1,8x1,7	11.698.000									2.000.000		13.698.000
			Xây gạch, ốp đá (Vận dụng tương đương mộ xây gạch, ốp đá xẻ; kích thước mộ (dài 2,4 x rộng 1,24 x cao 0,8 m)	2,2x1,2x1,4	14.192.000						2.000.000		16.192.000		3,696			
6	Hồ Văn Hồng	TDP 1	Xây gạch, trát xi măng (Vận dụng tương đương mộ xây bằng gạch, ốp đá xẻ hoặc trát vữa xi măng, quét nước xi măng; kích thước mộ (dài 1,44 x rộng 0,96 x cao 1,6m)	1,5x0,6x1,3	6.315.000							2.000.000		8.315.000	<b>41.575.000</b>	1,17		
				1,5x0,6x1,3	6.315.000								2.000.000			8.315.000	1,17	
				1,5x0,6x1,3	6.315.000								2.000.000			8.315.000	1,17	
				1,5x0,6x1,3	6.315.000								2.000.000			8.315.000	1,17	
				1,5x0,6x1,3	6.315.000								2.000.000			8.315.000	1,17	
7	Lê Đình Thuận	TDP 3	Mộ đất	5.249.000 - c			2	10.498.000				2.000.000		17.747.000	<b>39.494.000</b>			
				5.249.000								2.000.000		7.249.000				
				5.249.000								2.000.000		7.249.000				
				5.249.000								2.000.000		7.249.000				
8	Lê Đình Hiến	TDP 3	Xây gạch, trát xi măng (Vận dụng tương đương mộ xây gạch, trát vữa xi măng, quét nước xi măng; kích thước mộ (dài 2,4 x rộng 1,24 x cao 0,8 m)	2,2x1,4x0,8	11.698.000						2.000.000		13.698.000	<b>13.698.000</b>	2,464			



STT	Họ tên chủ hộ	Địa chỉ	Mộ đất	Mộ Xây			Tiêu phát sinh		Cây hương		Tiền hỗ trợ theo QĐ 3956/2022/QĐ-UBND (đồng)	Hộ trợ đối với trường hợp gia đình tự lo đất di chuyển mộ	Thành tiền (đồng)	Tổng chi phí hỗ trợ từng hộ	Khối tích
			Đơn giá (đồng)	Vật liệu hoàn thiện	Kích thước: dài x rộng x cao (m)	Đơn giá (đồng)	Số lượng	Đơn giá (đồng)	Số lượng	Đơn giá (đồng)					
9	Lê Đức Đức	TDP 4	Xây gạch, ốp đá (Vận dụng tương đương mộ xây gạch, ốp đá xẻ; kích thước mộ (dài 2,4 x rộng 1,24 x cao 0,8 m)		1,5x1,8x1,5	14.192.000					2.000.000		16.192.000	16.192.000	4,05
10	Nguyễn Văn Khoa	TDP 7	Xây gạch, trát xi măng (Vận dụng tương đương mộ xây bằng gạch, ốp đá xẻ hoặc trát vữa xi măng, quét nước xi măng; kích thước mộ (dài 1,44 x rộng 0,96 x cao 1,6m)		ĐK 1,6x0,7	6.315.000					2.000.000		8.315.000	24.945.000	1,40672
					ĐK 1,6x0,7	6.315.000				2.000.000	8.315.000	1,40672			
					ĐK 1,6x0,7	6.315.000				2.000.000	8.315.000	1,40672			
II	Địa bàn phường Phú Lâm			05 mộ xây		53.107.000	3	15.747.000			10.000.000		78.854.000	78.854.000	
1	Nguyễn Đăng Hiệp	TDP 8	Xây gạch, ốp gạch men (Vận dụng tương đương mộ xây gạch, trát vữa xi măng, quét nước xi măng; kích thước mộ (dài 2,4 x rộng 1,24 x cao 0,8 m)		2,2x1,6x2,15	11.698.000					2.000.000		13.698.000	27.396.000	7,568
					2,58x2,2x2,5	11.698.000				2.000.000	13.698.000	14,19			
2	Bùi Văn Trọng	TDP 8	Xây gạch, trát xi măng (Vận dụng tương đương mộ xây gạch, trát vữa xi măng, quét nước xi măng; kích thước mộ (dài 2,4 x rộng 1,24 x cao 0,8 m)		ĐK 2,1x1,9	11.698.000					2.000.000		13.698.000	13.698.000	6,57752
3	Nguyễn Công Đương	TDP 8	Xây gạch, trát xi măng (Vận dụng tương đương mộ xây gạch, trát vữa xi măng, quét nước xi măng; kích thước mộ (dài 2,4 x rộng 1,24 x cao 0,8 m)		1,3x1,8x1,3	11.698.000	3	15.747.000			2.000.000		29.445.000	29.445.000	3,042
4	Vũ Công Kỳ	TDP 8	Xây gạch, trát xi măng (Vận dụng tương đương mộ xây gạch, trát vữa xi măng, quét nước xi măng; kích thước mộ (dài 2,4 x rộng 1,24 x cao 0,8 m)		1,4x0,9x0,7	6.315.000					2.000.000		8.315.000	8.315.000	0,882
Tổng cộng (I+II)						274.881.000	8	41.992.000			64.000.000		407.118.000	407.118.000	



Cán Thị Việt Hà